

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**



## MỤC LỤC

|   | Trang   |
|---|---------|
| 1. Mục lục  | 1       |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc  | 2 - 3   |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập  | 4 - 5   |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023   | 6 - 9   |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 10      |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023           | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023    | 13 - 33 |

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**Khái quát về Công ty**

Công ty là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104606490 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 4 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 16 tháng 8 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (0243) 5402246
- Fax : (0243) 5402247

**Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

| Tên đơn vị  | Địa chỉ  |
|---|--|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC tại Hải Phòng               | Thôn 4, xã Thụy Sơn, huyện Thụy Nguyên, thành phố Hải Phòng  |
| Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC | Văn phòng 1B, tầng 1, số 681 đường Lê Văn Việt, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh |

**Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:** Cung cấp, lắp đặt các thiết bị vui chơi, giải trí cao cấp như: Sân trượt băng nghệ thuật, thủy cung đại dương, công viên nước, bể bơi và hoạt động lắp đặt hệ thống M&E.

**Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

| Họ và tên             | Chức vụ            | Ngày tái bổ nhiệm/miễn nhiệm          |
|-----------------------|--------------------|---------------------------------------|
| Ông Trần Hữu Đông     | Chủ tịch           | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023 |
| Ông Đỗ Huy Cường      | Phó Chủ tịch       | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023 |
| Ông Lê Văn Cường      | Thành viên         | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023 |
| Ông Trương Thanh Tùng | Thành viên         | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023 |
| Ông Đào Thanh Sơn     | Thành viên độc lập | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023 |
| Ông Haihui Liu        | Thành viên độc lập | Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023   |

**Ban Kiểm soát**

| Họ và tên              | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|------------------------|------------|---------------------------------------|
| Bà Đào Thị Dung        | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023 |
| Bà Hà Thị Linh         | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023 |
| Bà Nguyễn Thị Thúy Lan | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023     |
| Bà Phạm Thị Thảo       | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023   |

**Ban điều hành, quản lý**

| Họ và tên              | Chức vụ           | Ngày bổ nhiệm             |
|------------------------|-------------------|---------------------------|
| Ông Lê Văn Cường       | Tổng Giám đốc     | Ngày 27 tháng 9 năm 2021  |
| Ông Trương Thanh Tùng  | Phó Tổng Giám đốc | Ngày 21 tháng 10 năm 2013 |
| Bà Vũ Thị Ngà          | Phó Tổng Giám đốc | Ngày 27 tháng 9 năm 2021  |
| Ông Nguyễn Xuân Trường | Phó Tổng Giám đốc | Ngày 01 tháng 10 năm 2022 |
| Bà Cao Hải Ngọc        | Kế toán trưởng    | Ngày 06 tháng 7 năm 2022  |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Hữu Đông – Chủ tịch HĐQT, Ông Lê Văn Cường – Tổng Giám đốc và Ông Trương Thanh Tùng – Phó Tổng Giám đốc.

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

**Tổng Giám đốc**



**Lê Văn Cường**

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

Số: 2.0251/24/TC-AC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2024, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

5-00.  
HÀNH  
G TY  
M HỮU  
VÀ TỪ  
& C  
HÀ NỘI  
- TP.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 23 tháng 3 năm 2023.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Chi nhánh Hà Nội**



**Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc**  
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 2897-2020-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2024

**Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên**  
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 4028-2022-008-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>290.726.644.631</b> | <b>308.170.468.501</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>33.058.676.241</b>  | <b>48.673.069.090</b>  |
| 1. Tiền   | 111        |             | 2.981.145.725          | 3.571.300.838          |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | 30.077.530.516         | 45.101.768.252         |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                      | -                      |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        |             | -                      | -                      |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>180.579.720.005</b> | <b>163.794.534.433</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.3         | 147.535.213.045        | 152.394.719.628        |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.4         | 11.385.986.919         | 4.087.969.848          |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        | V.5         | 11.106.630.137         | 17.000.000.000         |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.6a        | 24.486.236.454         | 1.278.718.688          |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        | V.7         | (13.934.346.550)       | (10.966.873.731)       |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>76.027.984.458</b>  | <b>94.072.886.725</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.8         | 76.027.984.458         | 94.072.886.725         |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>1.060.263.927</b>   | <b>1.629.978.253</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        |             | -                      | 2.333.333              |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | 1.060.263.927          | 1.232.769.503          |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        | V.14        | -                      | 394.875.417            |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                      | -                      |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                      | -                      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

| TÀI SẢN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                      | <b>200</b> |             | <b>311.420.512.359</b> | <b>280.349.978.627</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | -                      | <b>10.000.000</b>      |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                      | -                      |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                      | -                      |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        | V.6b        | -                      | 10.000.000             |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>25.399.847.654</b>  | <b>26.823.481.119</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.9         | 25.383.847.644         | 26.801.081.113         |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 222        |             | 35.570.544.639         | 35.179.666.221         |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 223        |             | (10.186.696.995)       | (8.378.585.108)        |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                      | -                      |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 225        |             | -                      | -                      |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 226        |             | -                      | -                      |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        | V.10        | 16.000.010             | 22.400.006             |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 228        |             | 32.000.000             | 32.000.000             |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 229        |             | (15.999.990)           | (9.599.994)            |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | -                      | -                      |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 231        |             | -                      | -                      |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 232        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> | <b>V.11</b> | <b>111.640.868.449</b> | <b>89.948.612.000</b>  |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                      | -                      |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        |             | 111.640.868.449        | 89.948.612.000         |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> | <b>V.2</b>  | <b>174.210.000.000</b> | <b>163.320.000.000</b> |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | 125.790.000.000        | 114.900.000.000        |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        |             | 48.420.000.000         | 48.420.000.000         |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        |             | -                      | -                      |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |             | -                      | -                      |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                      | -                      |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>169.796.256</b>     | <b>247.885.508</b>     |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        |             | 169.796.256            | 247.885.508            |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại               | 262        |             | -                      | -                      |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                      | -                      |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>602.147.156.990</b> | <b>588.520.447.128</b> |



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>161.602.423.656</b> | <b>156.082.673.350</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>161.602.423.656</b> | <b>156.082.673.350</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.12        | 45.711.049.310         | 33.022.226.721         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | V.13        | 58.156.101.460         | 20.917.383.561         |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.14        | 2.229.520.460          | 3.644.036.706          |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        |             | 3.382.491.831          | 3.419.768.149          |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        |             | -                      | 129.000.000            |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                      | -                      |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | -                      | -                      |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.15        | 18.131.186.841         | 13.657.608.175         |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | V.16        | 28.475.398.154         | 76.913.331.042         |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        | V.17        | 5.516.675.600          | 4.379.318.996          |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        |             | -                      | -                      |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                      | -                      |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                      | -                      |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                      | -                      |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                      | -                      |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        |             | -                      | -                      |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        |             | -                      | -                      |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                      | -                      |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                      | -                      |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                      | -                      |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                      | -                      |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                      | -                      |

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN                                       | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                 | <b>400</b> |             | <b>440.544.733.334</b> | <b>432.437.773.778</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                        | <b>410</b> | <b>V.18</b> | <b>440.544.733.334</b> | <b>432.437.773.778</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                       | 411        |             | 406.448.300.000        | 369.499.950.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        | 411a       |             | 406.448.300.000        | 369.499.950.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                               | 411b       |             | -                      | -                      |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                         | 412        |             | (4.390.693.200)        | (4.390.693.200)        |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu             | 413        |             | -                      | -                      |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                      | 414        |             | -                      | -                      |
| 5. Cổ phiếu quỹ                                 | 415        |             | -                      | -                      |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản              | 416        |             | -                      | -                      |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                   | 417        |             | -                      | -                      |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                        | 418        |             | -                      | -                      |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp              | 419        |             | -                      | -                      |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu               | 420        |             | -                      | -                      |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           | 421        |             | 38.487.126.534         | 67.328.516.978         |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước  | 421a       |             | 30.380.166.978         | 67.328.516.978         |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                    | 421b       |             | 8.106.959.556          | -                      |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản            | 422        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>           | <b>430</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| 1. Nguồn kinh phí                               | 431        |             | -                      | -                      |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                      | <b>440</b> |             | <b>602.147.156.990</b> | <b>588.520.447.128</b> |

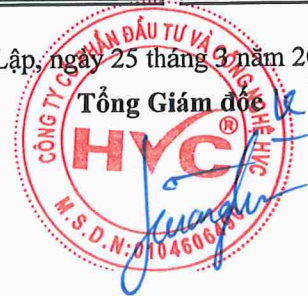
Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Thuận

Kế toán trưởng

Cao Hải Ngọc

Lập, ngày 25 tháng 3 năm 2024



Lê Văn Cường

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Năm nay              | Năm trước             |
|--|-------|-------------|----------------------|-----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | VI.1        | 209.238.889.150      | 326.545.386.620       |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    |             | -                    | 394.669.856           |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    |             | 209.238.889.150      | 326.150.716.764       |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VI.2        | 179.886.378.102      | 273.953.210.682       |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 29.352.511.048       | 52.197.506.082        |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VI.3        | 2.831.611.198        | 1.602.632.475         |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | VI.4        | 785.301.817          | 843.662.108           |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    |             | 663.948.157          | 838.326.779           |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 25    | VI.5        | 1.683.542.882        | 4.104.494.084         |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | VI.6        | 19.976.812.680       | 23.507.112.036        |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | 9.738.464.867        | 25.344.870.329        |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    | VI.7        | 1.002.661.760        | 430.625.361           |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    | VI.8        | 374.602.430          | 7.897.038.199         |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | 628.059.330          | (7.466.412.838)       |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | 10.366.524.197       | 17.878.457.491        |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | V.14        | 2.259.564.641        | 3.865.532.452         |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 52    |             | -                    | -                     |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |             | <u>8.106.959.556</u> | <u>14.012.925.039</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | VI.10       | -                    | -                     |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                     | 71    | VI.10       | -                    | -                     |

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Thuận

Kế toán trưởng

Cao Hải Ngọc

Lập, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Tổng Giám đốc



Lê Văn Cường

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND        |                         |
|--|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
|  |           |             | Năm nay                 | Năm trước               |
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>  |           |             |                         |                         |
| 1. Lợi nhuận trước thuế  | 01        |             | 10.366.524.197          | 17.878.457.491          |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:   |           |             |                         |                         |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư  | 02        | V.9, V.10   | 1.814.511.883           | 1.636.600.302           |
| - Các khoản dự phòng   | 03        | V.7, V.17   | 4.104.829.423           | 6.215.072.730           |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        |             | -                       | (68.434.472)            |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05        |             | (2.706.757.514)         | (1.507.389.408)         |
| - Chi phí lãi vay  | 06        | V.14        | 663.948.157             | 838.326.779             |
| - Các khoản điều chỉnh khác  | 07        |             | -                       | -                       |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                           | 08        |             | 14.243.056.146          | 24.992.633.422          |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09        |             | (26.020.080.343)        | 37.748.826.174          |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10        |             | 18.044.902.267          | 8.451.443.216           |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả  | 11        |             | 54.258.317.870          | (23.999.643.814)        |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước   | 12        |             | 80.422.585              | 4.084.962               |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh  | 13        |             | -                       | -                       |
| - Tiền lãi vay đã trả  | 14        |             | (663.948.157)           | (846.747.655)           |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15        | V.14        | (3.697.555.921)         | (725.730.866)           |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 16        |             | -                       | -                       |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 17        |             | -                       | -                       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       | <b>20</b> |             | <b>56.245.114.447</b>   | <b>45.624.865.439</b>   |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>   |           |             |                         |                         |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác               | 21        |             | (22.083.134.867)        | (5.579.207.610)         |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác            | 22        |             | -                       | -                       |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23        |             | (12.000.000.000)        | (18.000.000.000)        |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 24        |             | 19.000.000.000          | 1.000.000.000           |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 25        | V.2         | (10.890.000.000)        | -                       |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 26        |             | -                       | -                       |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27        |             | 2.551.560.459           | 643.467.436             |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | <b>30</b> |             | <b>(23.421.574.408)</b> | <b>(21.935.740.174)</b> |

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                 | Năm trước             |
|--|-----------|-------------|-------------------------|-----------------------|
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |           |             |                         |                       |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        |             | -                       | -                     |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                       | -                     |
| 3. Tiền thu từ đi vay  | 33        | V.16        | 77.777.065.761          | 146.680.991.072       |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay   | 34        | V.16        | (126.214.998.649)       | (145.552.438.003)     |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính  | 35        |             | -                       | -                     |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36        |             | -                       | -                     |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  | <b>40</b> |             | <b>(48.437.932.888)</b> | <b>1.128.553.069</b>  |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>   | <b>50</b> |             | <b>(15.614.392.849)</b> | <b>24.817.678.334</b> |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60</b> | <b>V.1</b>  | <b>48.673.069.090</b>   | <b>23.855.390.756</b> |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |             | -                       | -                     |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>   | <b>70</b> | <b>V.1</b>  | <b>33.058.676.241</b>   | <b>48.673.069.090</b> |

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Thuận

Kế toán trưởng

Cao Hải Ngọc

Lập, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Tổng Giám đốc

Lê Văn Cường

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ xây lắp, kinh doanh bất động sản, thương mại.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp, lắp đặt các thiết bị vui chơi, giải trí cao cấp như: Sân trượt băng nghệ thuật, thủy cung đại dương, công viên nước, bể bơi và hoạt động lắp đặt hệ thống M&E.

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### 5. Cấu trúc Công ty

###### Các Công ty con

| Tên công ty                                      | Địa chỉ trụ sở chính   | Hoạt động kinh doanh chính   | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|--|--|--|---------------|---------------|------------------------|
| Công ty TNHH HVC Hưng Yên                        | Thôn Thọ Bình, xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên                                     | Sản xuất sản phẩm bằng kim loại                                      | 99%           | 99%           | 99%                    |
| Công ty TNHH Tổng thầu cơ điện HVC               | Tầng 8, tòa tháp C, Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội | Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí | 90%           | 90%           | 90%                    |
| Công ty TNHH Thiết bị vui chơi giải trí HVC Park | Tầng 8, tòa tháp C, Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội | Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí | 95%           | 95%           | 95%                    |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Lakehill       | Xóm nước Hang, xã Mông Hóa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình                                  | Kinh doanh bất động sản, du lịch nghỉ dưỡng                          | 99%           | 99%           | 99%                    |
| Công ty TNHH Đầu tư HVC và Hồ Gươm Hòa Bình (*)  | Xóm nước Hang, xã Mông Hóa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình                                  | Kinh doanh bất động sản, du lịch nghỉ dưỡng                          | -             | -             | -                      |

(\*) Công ty mới thành lập ngày 01/12/2023 (Xem thuyết minh V.2)

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### *Công ty liên kết*

| Tên công ty               | Địa chỉ trụ sở chính  | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|---------------------------|---|----------------------------|---------------|---------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Chí Thành | Xóm Nước Hang, xã Mông Hóa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | Xây dựng nhà để ở          | 20%           | 20%           | 20%                    |

### *Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

| Tên đơn vị  | Địa chỉ  |
|---|--|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC tại Hải Phòng               | Thôn 4, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng  |
| Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC | Văn phòng 1B, tầng 1, số 681 đường Lê Văn Việt, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh |

## 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

## 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 156 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 133 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 3. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết*

##### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

##### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các Năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

##### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính

### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty là chi phí công cụ, dụng cụ được phân bổ trong khoảng thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.

### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 25 - 50       |
| Máy móc và thiết bị             | 05 - 07       |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 08       |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 04 - 06       |

### 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm quản lý dự án, chi phí liên quan đến phần mềm quản lý dự án không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm quản lý dự án là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

### 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao

### 10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 11. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty là Dự phòng chi phí bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng loại công trình xây dựng có cam kết bảo hành. Cụ thể, các công trình có tỷ trọng hàng hóa chiếm dưới 75%, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm từ 25% trở lên thì Công ty tiến hành trích lập dự phòng bảo hành theo tỷ lệ cam kết bảo hành tại từng hợp đồng, nhưng không vượt quá 5% tổng giá trị hợp đồng.

Tăng, giảm số dự phòng bảo hành công trình xây dựng cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

### 12. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### 13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hoá*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### 15. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy: Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

#### 16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### 17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|  | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt   | 265.600.381           | 128.032.581           |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn                              | 2.715.545.344         | 3.443.268.257         |
| Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng) | 30.077.530.516        | 45.101.768.252        |
| <b>Cộng</b>  | <b>33.058.676.241</b> | <b>48.673.069.090</b> |

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

|   | Số cuối năm            |          | Số đầu năm             |          |
|---|------------------------|----------|------------------------|----------|
|   | Giá gốc                | Dự phòng | Giá gốc                | Dự phòng |
| <b>Đầu tư vào công ty con</b>                                     | <b>125.790.000.000</b> | -        | <b>114.900.000.000</b> | -        |
| Công ty TNHH HVC Hưng Yên <sup>(i)</sup>                          | 59.400.000.000         | -        | 59.400.000.000         | -        |
| Công ty TNHH Tổng thầu cơ điện HVC <sup>(ii)</sup>                | 27.000.000.000         | -        | 27.000.000.000         | -        |
| Công ty TNHH Thiết bị vui chơi giải trí HVC Park <sup>(iii)</sup> | 28.500.000.000         | -        | 28.500.000.000         | -        |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Lakehill <sup>(iv)</sup>        | 10.890.000.000         | -        | -                      | -        |
| <b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>                                | <b>48.420.000.000</b>  | -        | <b>48.420.000.000</b>  | -        |
| Công ty Cổ phần Chí Thành <sup>(v)</sup>                          | 48.420.000.000         | -        | 48.420.000.000         | -        |
| <b>Cộng</b>   | <b>174.210.000.000</b> | -        | <b>163.320.000.000</b> | -        |

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900982165 ngày 11/01/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp, Công ty TNHH HVC Hưng Yên có vốn điều lệ là 60 tỷ VND, trong đó, Công ty góp 59,4 tỷ VND, chiếm 99% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn theo đăng ký.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108433496 ngày 14/09/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty TNHH Tổng thầu cơ điện HVC có vốn điều lệ là 30 tỷ VND, trong đó, Công ty góp 27 tỷ VND, chiếm 90% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn theo đăng ký.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108761458 ngày 29/05/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty TNHH Thiết bị vui chơi giải trí HVC Park có vốn điều lệ là 30 tỷ VND, trong đó, Công ty góp 28,5 tỷ VND, chiếm 95% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn theo đăng ký.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5400546676 ngày 23/11/2022, thay đổi lần thứ 01 ngày 16/3/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp, Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Lakehill có vốn điều lệ là 11 tỷ VND. Công ty cam kết góp 10,89 tỷ VND, chiếm 99% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết.

#### **Công ty con mới thành lập chưa góp vốn**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5400543722 ngày 01/12/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp, Công ty TNHH Đầu tư HVC và Hồ Gươm Hòa Bình có vốn điều lệ là 150 tỷ VND, trong đó, Công ty cam kết góp 105 tỷ chiếm 70% vốn điều lệ. Tại ngày 31/12/2023, Công ty chưa thực hiện góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư HVC và Hồ Gươm Hòa Bình.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5400233946 ngày 09/09/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp, Công ty Cổ phần Chí Thành có vốn điều lệ là 120 tỷ VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sở hữu 2.400.000 cổ phần chiếm 20% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chí Thành.

#### *Giá trị hợp lý*

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### *Tình hình hoạt động của các đơn vị nhận đầu tư*

- Công ty TNHH HVC Hưng Yên, Công ty TNHH Tổng thầu cơ điện HVC và Công ty TNHH Thiết bị vui chơi giải trí HVC Park: Hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.
- Các đơn vị khác đang trong giai đoạn đầu tư chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

#### *Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Công ty không phát sinh trích lập/(hoàn nhập) dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong năm.

#### *Giao dịch với các công ty con, công ty liên kết*

Xem Thuyết minh VII.1.

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

|  | <u>Số cuối năm</u>     | <u>Số đầu năm</u>      |
|--|------------------------|------------------------|
| <b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>         | <b>2.975.166.858</b>   | <b>15.000.000</b>      |
| Công ty TNHH Thiết bị vui chơi giải trí HVC Park | 2.975.166.858          | 15.000.000             |
| <b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>       | <b>144.560.046.187</b> | <b>152.379.719.628</b> |
| Công ty Cổ phần Vinhomes                         | -                      | 16.785.748.612         |
| Công ty Cổ phần Vinhomes - Chi nhánh Hưng Yên    | 65.326.542.941         | 59.154.039.443         |
| Công ty TNHH Xây dựng Cát Hải                    | 11.290.707.879         | 15.296.817.486         |
| Công ty Cổ phần Phát triển Địa ốc Cienco 5       | 9.600.000.000          | 9.600.000.000          |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Danko                   | 3.162.324.299          | 11.660.463.285         |
| Công ty Cổ phần Bể bơi Thông minh Spool          | 29.484.574.770         | -                      |
| Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển đô thị Gia Lâm | -                      | 16.066.224.504         |
| Các khách hàng khác                              | 25.695.896.298         | 23.816.426.298         |
| <b>Cộng</b>                                      | <b>147.535.213.045</b> | <b>152.394.719.628</b> |

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

|  | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>    |
|--|-----------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HTI  | -                     | 1.400.289.000        |
| Công ty Cổ phần Gia Phú Capital Việt Nam | 7.457.989.728         | -                    |
| Các nhà cung cấp khác                    | 3.927.997.191         | 2.687.680.848        |
| <b>Cộng</b>                              | <b>11.385.986.919</b> | <b>4.087.969.848</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

|  | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <i>Cho các bên liên quan vay</i>         | -                     | <b>17.000.000.000</b> |
| Công ty TNHH HVC Hưng Yên                | -                     | 7.000.000.000         |
| <i>Cho các tổ chức, cá nhân khác vay</i> | <b>11.106.630.137</b> | -                     |
| Công ty TNHH Sông Thao (*)               | -                     | 10.000.000.000        |
| Ông Nguyễn Việt Thắng (*)                | 11.106.630.137        | -                     |
| <b>Cộng</b>                              | <b>11.106.630.137</b> | <b>17.000.000.000</b> |

(\*) Hợp đồng hợp tác toàn diện số 0312/2022/HĐNT/ST-HVC ngày 10/02/2022, Công ty cho Công ty TNHH Sông Thao vay số tiền là 10.000.000.000 VND. Mục đích vay để tài trợ các nhu cầu thanh toán tiền thuê, tiền thuê đất của Công ty TNHH Sông Thao. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay (ngày 15/02/2022), lãi suất cho vay 6,8%/năm. Khoản cho vay đã được bù trừ với Ông Nguyễn Việt Thắng ngày 15 tháng 02 năm 2023 và có tài sản đảm bảo là 10% vốn điều lệ của ông Nguyễn Việt Thắng sở hữu tại Công ty Sông Thao. Ngày 02/10/2023 Công ty mua lại 10% phần vốn góp tại Công ty TNHH Sông Thao với giá trị chuyển nhượng là 11.106.630.137 VND của ông Nguyễn Việt Thắng. Giá trị thanh toán này sẽ được bù trừ với số tiền phải thu ông Nguyễn Việt Thắng khi thủ tục chuyển nhượng hoàn tất.

**6. Phải thu khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

|  | <u>Số cuối năm</u>    |                 | <u>Số đầu năm</u>    |                 |
|--|-----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
|  | <u>Giá trị</u>        | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u>       | <u>Dự phòng</u> |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i>            | -                     | -               | <b>866.189.041</b>   | -               |
| Công ty TNHH HVC Hưng Yên - Tiền lãi cho vay | -                     | -               | 155.753.425          | -               |
| Công ty TNHH Sông Thao – Tiền lãi cho vay    | -                     | -               | 710.435.616          | -               |
| <i>Phải thu các tổ chức, cá nhân khác</i>    | <b>24.486.236.454</b> | -               | <b>412.529.647</b>   | -               |
| Tạm ứng                                      | 38.380.000            | -               | 77.955.310           | -               |
| Ký cược ký quỹ ngân hàng                     | 4.050.907.065         | -               | 193.820.486          | -               |
| Ký quỹ khác                                  | 10.000.000            | -               | -                    | -               |
| Công ty Cổ phần Novareal (*)                 | 20.338.999.164        | -               | -                    | -               |
| Lãi dự thu tiền gửi                          | 23.482.927            | -               | 108.726.968          | -               |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác             | 24.467.298            | -               | 32.026.883           | -               |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>24.486.236.454</b> | -               | <b>1.278.718.688</b> | -               |

(\*) Đặt cọc theo văn bản thỏa thuận số VTV.2-SH02/2023/VBTT/NVR-HVC ngày 28/3/2023, Công ty đặt cọc để ký kết hợp đồng khi bên Công ty Cổ phần Novareal là “Chủ đầu tư dự án Khu nhà ở diện tích 4,2777 ha, tại Phường Thạnh Mỹ Lợi thành phố Thủ Đức” đủ điều kiện bán Bất động sản.

**6b. Phải thu dài hạn khác**

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****7. Dự phòng phải thu khó đòi**

|  | Thời gian<br>quá hạn | Số cuối năm           |                         | Thời gian<br>quá hạn | Số đầu năm            |                         |
|--|----------------------|-----------------------|-------------------------|----------------------|-----------------------|-------------------------|
|  |                      | Giá gốc               | Dự phòng                |                      | Giá gốc               | Dự phòng                |
| Công ty Cổ phần Phát triển Địa ốc Cienco 5 | trên 3 năm           | 9.600.000.000         | (9.600.000.000)         | trên 3 năm           | 9.600.000.000         | (9.600.000.000)         |
| Công ty Cổ phần Milton                     | trên 3 năm           | 435.848.744           | (435.848.744)           | trên 3 năm           | 435.848.744           | (435.848.744)           |
| Bệnh viện Đa khoa Kim Thành Hải Dương      | trên 3 năm           | 282.800.000           | (282.800.000)           | trên 3 năm           | 282.800.000           | (282.800.000)           |
| Công ty Cổ phần Du lịch Mỹ An              | từ 1 - 2 năm         | 5.054.007.549         | (2.527.003.774)         |                      | -                     | -                       |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Rivera              | từ 2 - 3 năm         | 629.241.493           | (440.469.045)           |                      | -                     | -                       |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác       | trên 3 năm           | 648.224.987           | (648.224.987)           | trên 3 năm           | 648.224.987           | (648.224.987)           |
| <b>Cộng</b>                                |                      | <b>16.650.122.773</b> | <b>(13.934.346.550)</b> |                      | <b>10.966.873.731</b> | <b>(10.966.873.731)</b> |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

|                            | Năm nay               | Năm trước             |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm                 | 10.966.873.731        | 7.147.849.848         |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 2.967.472.819         | 3.960.396.443         |
| Hoàn nhập dự phòng         | -                     | (141.372.560)         |
| <b>Số cuối năm</b>         | <b>13.934.346.550</b> | <b>10.966.873.731</b> |

**8. Hàng tồn kho**

|                                      | Số cuối năm           |          | Số đầu năm            |          |
|--------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
|                                      | Giá gốc               | Dự phòng | Giá gốc               | Dự phòng |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 60.172.185.392        | -        | 78.516.393.612        | -        |
| Hàng hóa                             | 15.855.799.066        | -        | 15.556.493.113        | -        |
| <b>Cộng</b>                          | <b>76.027.984.458</b> | <b>-</b> | <b>94.072.886.725</b> | <b>-</b> |

**9. Tài sản cố định hữu hình**

|                    | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị  | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng                  |
|--------------------|------------------------|----------------------|---------------------------------|---------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá         |                        |                      |                                 |                           |                       |
| Số đầu năm         | 29.311.291.829         | 877.693.719          | 4.863.680.673                   | 127.000.000               | 35.179.666.221        |
| Mua sắm trong năm  | -                      | 390.878.418          | -                               | -                         | 390.878.418           |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>29.311.291.829</b>  | <b>1.268.572.137</b> | <b>4.863.680.673</b>            | <b>127.000.000</b>        | <b>35.570.544.639</b> |

Trong đó:

|                                       |               |             |               |             |               |
|---------------------------------------|---------------|-------------|---------------|-------------|---------------|
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 1.333.400.046 | 312.675.200 | 1.234.932.727 | 127.000.000 | 3.008.007.973 |
| Chờ thanh lý                          | -             | -           | -             | -           | -             |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

|                        | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng                  |
|------------------------|------------------------|---------------------|---------------------------------|---------------------------|-----------------------|
| <b>Giá trị hao mòn</b> |                        |                     |                                 |                           |                       |
| Số đầu năm             | 5.994.294.009          | 370.034.772         | 1.916.360.506                   | 97.895.821                | 8.378.585.108         |
| Khấu hao trong năm     | 1.157.995.224          | 9.300.000           | 611.712.484                     | 29.104.179                | 1.808.111.887         |
| <b>Số cuối năm</b>     | <b>7.152.289.233</b>   | <b>379.334.772</b>  | <b>2.528.072.990</b>            | <b>127.000.000</b>        | <b>10.186.696.995</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b> |                        |                     |                                 |                           |                       |
| Số đầu năm             | 23.316.997.820         | 507.658.947         | 2.947.320.167                   | 29.104.179                | 26.801.081.113        |
| <b>Số cuối năm</b>     | <b>22.159.002.596</b>  | <b>889.237.365</b>  | <b>2.335.607.683</b>            | <b>-</b>                  | <b>25.383.847.644</b> |
| <i>Trong đó:</i>       |                        |                     |                                 |                           |                       |
| Tạm thời chưa sử dụng  | -                      | -                   | -                               | -                         | -                     |
| Đang chờ thanh lý      | -                      | -                   | -                               | -                         | -                     |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 20.585.579.288 VND đã được để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng (xem thuyết minh V.16)

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình phần mềm quản trị doanh nghiệp.

|                       | Nguyên giá        | Giá trị hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại   |
|-----------------------|-------------------|------------------------|-------------------|
| Số đầu năm            | 32.000.000        | (9.599.994)            | 22.400.006        |
| Khấu hao trong năm    | -                 | (6.399.996)            | (6.399.996)       |
| <b>Số cuối năm</b>    | <b>32.000.000</b> | <b>(15.999.990)</b>    | <b>16.000.010</b> |
| Tạm thời chưa sử dụng | -                 | -                      | -                 |
| Đang chờ thanh lý     | -                 | -                      | -                 |

#### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí để thực hiện Dự án Khu biệt thự nhà vườn, trồng rừng kết hợp du lịch sinh thái tại Xã Mông Hóa, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Theo quyết định số 2716 ngày 23/11/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình phê duyệt nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ năng lực thực hiện dự án, theo báo cáo Số 02/BC-SKHĐT ngày 04/01/2024 Báo cáo kết quả thẩm định dự án của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình xem xét chấp nhận cấp giấy phép đầu tư cho liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC và Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm.

|                             | Năm nay                | Năm trước             |
|-----------------------------|------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm                  | 89.948.612.000         | 88.462.712.000        |
| Chi phí phát sinh trong năm | 21.692.256.449         | 1.485.900.000         |
| Kết chuyển tài sản cố định  | -                      | -                     |
| <b>Số cuối năm</b>          | <b>111.640.868.449</b> | <b>89.948.612.000</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 12. Phải trả người bán ngắn hạn

|  | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i>          | <b>12.514.255.922</b> | -                     |
| Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC         | 12.514.255.922        | -                     |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>      | <b>33.196.793.388</b> | <b>33.022.226.721</b> |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm           | 4.016.877.786         | 4.016.877.786         |
| Công ty TNHH Vật liệu Điện Duy Tân         | 3.170.205.364         | 259.023.295           |
| Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Gia Vinh | 7.088.282.944         | 4.065.756.696         |
| Yixing Sea Fountain Equipment Co.,Ltd      | 1.210.664.592         | 2.850.663.750         |
| Các nhà cung cấp khác                      | 17.710.762.702        | 21.829.905.194        |
| <b>Cộng</b>                                | <b>45.711.049.310</b> | <b>33.022.226.721</b> |

#### 13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

|   | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH Kỹ thuật Xây dựng Đồng Phong | 38.624.204.541        | -                     |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG     | 9.825.700.805         | 9.825.700.805         |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Vạn Phúc    | 7.266.166.287         | 7.283.697.701         |
| Các khách hàng khác                       | 2.440.029.827         | 3.807.985.055         |
| <b>Cộng</b>                               | <b>58.156.101.460</b> | <b>20.917.383.561</b> |

#### 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|                            | Số đầu năm           |                    | Số phát sinh trong năm |                         | Số cuối năm          |
|----------------------------|----------------------|--------------------|------------------------|-------------------------|----------------------|
|                            | Phải nộp             | Phải thu           | Số phải nộp            | Số đã thực nộp          | Phải nộp             |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | -                    | 394.875.417        | 4.732.618.878          | (5.127.494.295)         |                      |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu   | -                    | -                  | 12.768.712.962         | (12.768.712.962)        |                      |
| Thuế xuất, nhập khẩu       | -                    | -                  | 250.312.488            | (250.312.488)           |                      |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.633.552.615        | -                  | 2.259.564.641          | (3.697.555.921)         | 2.195.561.335        |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 10.484.091           | -                  | 428.651.009            | (405.175.975)           | 33.959.125           |
| Các loại thuế khác         | -                    | -                  | 6.000.000              | (6.000.000)             | -                    |
| <b>Cộng</b>                | <b>3.644.036.706</b> | <b>394.875.417</b> | <b>20.445.859.978</b>  | <b>(22.255.251.641)</b> | <b>2.229.520.460</b> |

##### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 8% và 10%.

##### *Thuế xuất, nhập khẩu*

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

##### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

|  | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế  | 10.366.524.197              | 17.878.457.491              |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | 611.282.480                 | 289.305.582                 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng  | 611.282.480                 | 289.305.582                 |
| Thu nhập tính thuế   | <u>10.977.806.677</u>       | <u>18.167.763.073</u>       |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp   | 20%                         | 20%                         |
| <b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>                                  | <b>64.003.306</b>           | <b>231.979.837</b>          |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>   | <b><u>2.259.564.641</u></b> | <b><u>3.865.532.452</u></b> |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

### 15. Phải trả ngắn hạn khác

|                                 | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|--------------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần May Chiến Thắng | 18.131.186.841     | 13.657.608.175    |

Đây là khoản phải trả về hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần May Chiến Thắng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2001/2021/HĐHTKD/HVC-MCT ngày 20 tháng 01 năm 2021. Công ty hợp tác để thực hiện Dự án khu biệt thự nhà vườn, trồng rừng kết hợp du lịch sinh thái tại xã Mông Hóa, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình. Trong đó, Công ty góp 70%, Công ty Cổ phần May Chiến Thắng góp 30% tổng giá trị để thực hiện dự án. Công ty Cổ phần May Chiến Thắng ủy quyền cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm chuyển tiền hợp tác đầu tư cho Công ty để thực hiện dự án. Tháng 01/2024 Công ty đã chuyển trả toàn bộ số tiền hợp tác đầu tư cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm.

### 16. Vay ngắn hạn

Là các khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam, bao gồm:

|  | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Hợp đồng tín dụng số HSO20140019/HĐHMTD                            | -                            | 10.309.726.499               |
| Hợp đồng hạn mức chiết khấu số HSO2021256892/HDHMCK <sup>(i)</sup> | 28.475.398.154               | 66.603.604.543               |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>28.475.398.154</u></b> | <b><u>76.913.331.042</u></b> |

- <sup>(i)</sup> Hợp đồng cấp hạn mức/hạn mức chiết khấu hối phiếu đòi nợ số HS02021256892/HĐHM/CK/TCB-HVC ngày 20/10/2021, phụ lục số HSO2023815274/HDCK/PLHM-815274 ngày 04/01/2023 với giá trị hạn mức chiết khấu là 130.000.000.000 VND. Thời hạn sử dụng hạn mức chiết khấu là 12 tháng (Từ ngày 04/01/2023 đến ngày 04/01/2024). Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn khoản chiết khấu tối đa bằng thời hạn thanh toán còn lại của Hối phiếu đòi nợ nhưng không vượt quá 365 ngày cơ sở. Lãi suất năm nay là 7,9%-14%/năm. Tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị (xem thuyết minh V.9).

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

|                       | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
|-----------------------|------------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm            | 76.913.331.042               | 75.784.777.973               |
| Số tiền vay phát sinh | 77.777.065.761               | 146.680.991.072              |
| Số tiền vay đã trả    | <u>(126.214.998.649)</u>     | <u>(145.552.438.003)</u>     |
| <b>Số cuối năm</b>    | <b><u>28.475.398.154</u></b> | <b><u>76.913.331.042</u></b> |

#### 17. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến dự phòng chi phí bảo hành công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

|                           | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|---------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Số đầu năm                | 4.379.318.996               | 1.983.270.149               |
| Trích/hoàn nhập trong năm | 1.137.356.604               | 2.396.048.847               |
| <b>Số cuối năm</b>        | <b><u>5.516.675.600</u></b> | <b><u>4.379.318.996</u></b> |

#### 18. Vốn chủ sở hữu

##### 18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

|                             | <u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u> | <u>Thặng dư vốn cổ phần</u>   | <u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u> | <u>Cộng</u>                   |
|-----------------------------|----------------------------------|-------------------------------|--|-------------------------------|
| Số đầu năm trước            | 369.499.950.000                  | (4.390.693.200)               | 53.315.591.939                           | 418.424.848.739               |
| Lợi nhuận trong năm trước   | -                                | -                             | 14.012.925.039                           | 14.012.925.039                |
| <b>Số dư cuối năm trước</b> | <b><u>369.499.950.000</u></b>    | <b><u>(4.390.693.200)</u></b> | <b><u>67.328.516.978</u></b>             | <b><u>432.437.773.778</u></b> |
| Số dư đầu năm nay           | 369.499.950.000                  | (4.390.693.200)               | 67.328.516.978                           | 432.437.773.778               |
| Chia cổ tức bằng cổ phiếu   | 36.948.350.000                   | -                             | (36.948.350.000)                         | -                             |
| Lợi nhuận trong năm nay     | -                                | -                             | 8.106.959.556                            | 8.106.959.556                 |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>   | <b><u>406.448.300.000</u></b>    | <b><u>(4.390.693.200)</u></b> | <b><u>38.487.126.534</u></b>             | <b><u>440.544.733.334</u></b> |

##### 18b. Cổ phiếu

|   | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành | 40.644.830         | 36.949.995        |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành      | 40.644.830         | 36.949.995        |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành     | 40.644.830         | 36.949.995        |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

##### 18c. Thông tin về việc tăng vốn

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/HVC/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 26/4/2023 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022, cụ thể: Phát hành thêm 3.694.999 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/ cổ phiếu. Tổng giá trị phát hành dự kiến theo mệnh giá 36.949.990.000 VND. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định và thực hiện các công việc, thủ tục liên quan đến hoàn tất việc phát hành.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Theo Công văn số 5127/UBCK-QLCB ngày 01 tháng 8 năm 2023, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và Công ty đã được niêm yết 3.694.835 cổ phiếu phổ thông trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 23 về việc thay đổi vốn điều lệ.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

|                                       | Năm nay                | Năm trước              |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa                | 50.455.566.640         | 31.428.851.860         |
| Doanh thu thi công lắp đặt công trình | 158.627.322.510        | 294.830.273.510        |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ            | 156.000.000            | 286.261.250            |
| <b>Cộng</b>                           | <b>209.238.889.150</b> | <b>326.545.386.620</b> |

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Xem Thuyết minh VII.1.

### 2. Giá vốn hàng bán

|                                     | Năm nay                | Năm trước              |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán         | 47.628.437.652         | 26.647.768.165         |
| Giá vốn thi công lắp đặt công trình | 132.257.940.450        | 247.305.442.517        |
| <b>Cộng</b>                         | <b>179.886.378.102</b> | <b>273.953.210.682</b> |

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

|   | Năm nay              | Năm trước            |
|---|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn   | 1.868.234.225        | 582.675.836          |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn  | 32.969.656           | 22.090.672           |
| Lãi tiền cho vay  | 838.523.289          | 924.713.572          |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh   | 91.884.028           | 4.717.923            |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | -                    | 68.434.472           |
| <b>Cộng</b>   | <b>2.831.611.198</b> | <b>1.602.632.475</b> |

### 4. Chi phí tài chính

|  | Năm nay            | Năm trước          |
|--|--------------------|--------------------|
| Chi phí lãi vay  | 663.948.157        | 838.326.779        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh   | 59.874.633         | 5.335.329          |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 61.479.027         | -                  |
| <b>Cộng</b>  | <b>785.301.817</b> | <b>843.662.108</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****5. Chi phí bán hàng**

|                              | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Dự phòng bảo hành công trình | 1.137.356.604               | 2.809.866.587               |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài    | 406.036.278                 | 48.400.000                  |
| Các chi phí khác             | 140.150.000                 | 1.246.227.497               |
| <b>Cộng</b>                  | <b><u>1.683.542.882</u></b> | <b><u>4.104.494.084</u></b> |

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                  | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên            | 13.137.416.890               | 13.145.119.279               |
| Chi phí đồ dùng văn phòng        | 585.173.585                  | 810.377.314                  |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.641.790.008                | 1.427.865.734                |
| Thuế, phí và lệ phí              | 312.783.706                  | 509.728.948                  |
| Dự phòng phải thu khó đòi        | 2.967.472.819                | 3.832.999.283                |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 1.008.344.335                | 2.104.398.896                |
| Các chi phí khác                 | 323.831.337                  | 1.676.622.582                |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>19.976.812.680</u></b> | <b><u>23.507.112.036</u></b> |

**7. Thu nhập khác**

|                           | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>          |
|---------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| Thu phạt vi phạm hợp đồng | 626.250.270                 | 179.931.331               |
| Xử lý công nợ             | 369.787.892                 | 186.348.346               |
| Thu nhập khác             | 6.623.598                   | 64.345.684                |
| <b>Cộng</b>               | <b><u>1.002.661.760</u></b> | <b><u>430.625.361</u></b> |

**8. Chi phí khác**

|                                 | <u>Năm nay</u>            | <u>Năm trước</u>            |
|---------------------------------|---------------------------|-----------------------------|
| Phạt do vi phạm hợp đồng        | 26.800.002                | 5.341.780.932               |
| Chi phí tiện ích tại công trình | -                         | 2.501.112.601               |
| Thuế bị phạt, bị truy thu       | 118.118.560               | 15.981.343                  |
| Các chi phí khác                | 229.683.868               | 38.163.323                  |
| <b>Cộng</b>                     | <b><u>374.602.430</u></b> | <b><u>7.897.038.199</u></b> |

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

|                                  | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>              |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 73.897.555.328                | 206.961.114.557               |
| Chi phí nhân công                | 48.102.902.579                | 54.762.091.863                |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.814.511.883                 | 1.636.600.302                 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 5.850.666.504                 | 9.208.701.693                 |
| Chi phí khác                     | 5.908.451.498                 | 3.432.579.027                 |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>135.574.087.792</u></b> | <b><u>276.001.087.442</u></b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

|                        |   | Tiền lương           | Thù lao (*)        | Cộng thu nhập        |
|------------------------|---|----------------------|--------------------|----------------------|
| <b>Năm nay</b>         |   |                      |                    |                      |
| Ông Trần Hữu Đông      | Chủ tịch HĐQT                           | -                    | 30.000.000         | 30.000.000           |
| Ông Đỗ Huy Cường       | Phó Chủ tịch HĐQT                       | 415.150.000          | 17.500.000         | 432.650.000          |
| Ông Đào Thanh Sơn      | Thành viên HĐQT                         | -                    | 17.500.000         | 17.500.000           |
| Ông Hai Hiuliu         | Thành viên HĐQT<br>(đến ngày 26/4/2023) | -                    | 17.500.000         | 17.500.000           |
| Ông Lê Văn Cường       | Thành viên HĐQT<br>Tổng Giám đốc        | 415.150.000          | 17.500.000         | 432.650.000          |
| Ông Trương Thanh Tùng  | Thành viên HĐQT<br>Phó Tổng Giám đốc    | 385.150.000          | 17.500.000         | 402.650.000          |
| Bà Vũ Thị Ngà          | Phó Tổng Giám đốc                       | 385.150.000          | -                  | 385.150.000          |
| Ông Nguyễn Xuân Trường | Phó Tổng Giám đốc                       | 365.658.209          | -                  | 365.658.209          |
| Bà Đào Thị Dung        | Trưởng BKS                              | -                    | 12.500.000         | 12.500.000           |
| Bà Phạm Thị Thảo       | Thành viên BKS                          | -                    | 10.000.000         | 10.000.000           |
| Bà Hà Thị Linh         | Thành viên BKS                          | -                    | 6.666.667          | 6.666.667            |
| Bà Đỗ Thị Lê           | Thành viên BKS                          | -                    | 3.333.333          | 3.333.333            |
| <b>Cộng</b>            |   | <b>1.966.258.209</b> | <b>150.000.000</b> | <b>2.116.258.209</b> |
| <b>Năm trước</b>       |   |                      |                    |                      |
| Ông Trần Hữu Đông      | Chủ tịch HĐQT                           | -                    | -                  | -                    |
| Ông Đỗ Huy Cường       | Phó Chủ tịch HĐQT                       | 401.062.500          | -                  | 401.062.500          |
| Ông Đào Thanh Sơn      | Thành viên HĐQT                         | -                    | -                  | -                    |
| Ông Hai Hiuliu         | Thành viên HĐQT                         | -                    | -                  | -                    |
| Ông Lê Văn Cường       | Thành viên HĐQT<br>Tổng Giám đốc        | 456.267.000          | -                  | 456.267.000          |
| Ông Trương Thanh Tùng  | Thành viên HĐQT<br>Phó Tổng Giám đốc    | 441.262.500          | -                  | 441.262.500          |
| Bà Vũ Thị Ngà          | Phó Tổng Giám đốc                       | 391.967.000          | -                  | 391.967.000          |



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

|                        |                   | Tiền lương           | Thù lao (*) | Cộng thu nhập        |
|------------------------|-------------------|----------------------|-------------|----------------------|
| Ông Nguyễn Xuân Trường | Phó Tổng Giám đốc | 322.237.790          | -           | 322.237.790          |
| Bà Đào Thị Dung        | Trưởng BKS        | -                    | -           | -                    |
| Bà Phạm Thị Thảo       | Thành viên BKS    | -                    | -           | -                    |
| Bà Hà Thị Linh         | Thành viên BKS    | -                    | -           | -                    |
| Bà Đỗ Thị Lê           | Thành viên BKS    | -                    | -           | -                    |
| <b>Cộng</b>            |                   | <b>2.012.796.790</b> | <b>-</b>    | <b>2.012.796.790</b> |

(\*) Trình bày theo số thực trả trong năm.

**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

| Bên liên quan khác                               | Mối quan hệ      |
|--|------------------|
| Công ty TNHH HVC Hưng Yên                        | Công ty con      |
| Công ty TNHH Tổng thầu cơ điện HVC               | Công ty con      |
| Công ty TNHH Thiết bị vui chơi giải trí HVC Park | Công ty con      |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Lakehill       | Công ty con      |
| Công ty TNHH Đầu tư HVC và Hồ Gươm Hòa Bình      | Công ty con      |
| Công ty Cổ phần Chí Thành                        | Công ty liên kết |

Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

|   | Năm nay        | Năm trước      |
|---|----------------|----------------|
| <b>Công ty TNHH HVC Hưng Yên</b>                        |                |                |
| Cho Công ty con vay                                     | -              | 8.000.000.000  |
| Thu hồi gốc cho vay                                     | 7.000.000.000  | 1.000.000.000  |
| Lãi cho vay   | 250.273.973    | 155.753.425    |
| Cung cấp hàng hóa, dịch vụ                              | 250.528.000    | -              |
| Mua hàng hóa dịch vụ                                    | 10.424.264.000 | 4.636.743.000  |
| <b>Công ty TNHH Tổng thầu cơ điện HVC</b>               |                |                |
| Mua hàng hóa dịch vụ                                    | 10.540.856.799 | 6.598.772.966  |
| Cho Công ty con thuê văn phòng                          | 36.000.000     | -              |
| Mượn tiền Công ty con                                   | 1.700.000.000  | -              |
| Trả tiền Công ty con                                    | 1.700.000.000  | -              |
| <b>Công ty TNHH Thiết bị vui chơi giải trí HVC Park</b> |                |                |
| Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ              | 14.532.362.000 | 25.129.069.063 |
| Hàng bán bị trả lại                                     | -              | 394.669.856    |
| Cho Công ty con thuê văn phòng                          | 120.000.000    | -              |
| Mua hàng hóa dịch vụ                                    | -              | 2.206.522.449  |
| <b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Lakehill</b>       |                |                |
| Góp vốn   | 10.890.000.000 | -              |

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6a, V.12.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

#### 2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp, lắp đặt các thiết bị vui chơi, giải trí cao cấp, được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về hàng hóa/dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định Công ty chỉ có 01 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và 01 bộ phận theo khu vực địa lý và Công ty không cần phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

#### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Thuận

Kế toán trưởng

Cao Hải Ngọc

Tổng Giám đốc



Lê Văn Cường